

**TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX**

*Báo cáo tài chính riêng*  
*cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008*  
*đã được kiểm toán*

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 – 04
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	05
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>	06 – 07
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>	08
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>	09 – 10
<b>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</b>	11 – 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0838/2004/QĐ-BTM ngày 23 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Petrolimex thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex và các giấy đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy đăng ký kinh doanh (ĐKKD) số 4103002720 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2004;
- Giấy ĐKKD sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2005;
- Giấy ĐKKD sửa đổi lần thứ hai ngày 28/04/2006;
- Giấy ĐKKD sửa đổi lần thứ ba ngày 13/06/2007;
- Giấy ĐKKD sửa đổi lần thứ tư ngày 13/08/2007;
- Giấy ĐKKD sửa đổi lần thứ năm ngày 17/12/2007; và
- Giấy ĐKKD sửa đổi lần thứ sáu ngày 26/7/2008.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu ngày 26 tháng 07 năm 2008, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng (hàng công nghệ phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công chế biến tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán các sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 54 - 56 Bùi Hữu Nghĩa – Quận 5 – TP Hồ Chí Minh

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

#### **Tên đơn vị thành viên**

#### **Địa chỉ**

Chi nhánh Bình Dương

Ấp 3, Xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

(Chuyển thành Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương theo quyết định số 24/HĐQT-XNK-QĐ ngày 29/3/2008 của Công ty)

Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên

Ấp 3, Xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

**Tên đơn vị thành viên**

Xí nghiệp Chế biến Nông sản

(được sáp nhập vào Chi nhánh Bình Dương kể từ ngày 10/3/2008 theo Quyết định số 132/HĐQT-QĐ ngày 25/2/2008)

**Địa chỉ**

54 - 56 Bùi Hữu Nghĩa, Q.5, Tp. HCM

**Công ty Con (sở hữu 100%)**

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương

Số 1 Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội

Ấp 1, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Ngọc Châu

Ông Bùi Tuấn Trung

Ông Hà Huy Thắng

Ông Mai Việt Sinh

Ông Phạm Văn Nam

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban giám đốc

Ông Trần Ngọc Châu

Ông Trần Việt Bình

Ông Hà Huy Thắng

Ông Nguyễn Ngọc Hưng

Ông Nguyễn Văn Lèo

Ông Vũ Văn Cung

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hà

Ông Trần Xuân Lai

Bà Nguyễn Thị Kim Vân

Trưởng Ban Kiểm soát

Ủy viên

Ủy viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2009*

**TM Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Trần Ngọc Châu**

Số :...../2009/BCKT.TC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính riêng năm 2008 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và  
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex được lập ngày 25 tháng 01 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2009*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán**

**Phó Tổng giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thanh Tùng**

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

**Hoàng Thúy Nga**

Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>332.558.334.093</b>	<b>347.899.157.970</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>22.148.821.059</b>	<b>17.377.084.318</b>
111	1. Tiền	3	22.148.821.059	17.377.084.318
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>17.364.828.365</b>	<b>35.870.338.757</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		22.732.983.887	36.494.793.640
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(5.368.155.522)	(624.454.883)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>113.854.772.803</b>	<b>110.412.557.330</b>
131	1. Phải thu khách hàng		68.977.000.812	73.515.871.015
132	2. Trả trước cho người bán		27.074.794.853	26.771.090.157
135	5. Các khoản phải thu khác	5	17.802.977.138	10.125.596.158
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>167.899.234.138</b>	<b>168.306.498.729</b>
141	1. Hàng tồn kho		177.842.597.882	168.306.498.729
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(9.943.363.744)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.290.677.728</b>	<b>15.932.678.836</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	4.618.288
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.984.258.247	9.615.000.183
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	53.728.864	105.434.389
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		5.252.690.617	6.207.625.976
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>57.120.235.985</b>	<b>31.760.327.732</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>18.673.695.676</b>	<b>12.513.786.899</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.893.195.257	6.770.957.076
222	- Nguyên giá		15.499.400.794	10.313.392.022
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.606.205.537)	(3.542.434.946)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	1.265.669.811	1.225.358.805
228	- Nguyên giá		1.316.209.640	1.260.192.140
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(50.539.829)	(34.833.335)
230	5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.514.830.608	4.517.471.018
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>33.747.951.958</b>	<b>15.736.111.173</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		30.000.000.000	14.935.951.173
258	3. Đầu tư dài hạn khác		3.747.951.958	800.160.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.698.588.351</b>	<b>3.510.429.660</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.578.488.351	3.390.329.660
268	3. Tài sản dài hạn khác		120.100.000	120.100.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>389.678.570.078</b>	<b>379.659.485.702</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008*

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>158.533.861.745</b>	<b>156.283.253.679</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>158.517.797.053</b>	<b>156.283.253.679</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	121.276.209.641	106.109.147.704
312	2. Phải trả người bán		9.807.553.763	10.435.710.570
313	3. Người mua trả tiền trước		7.392.370.929	24.560.480.480
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.982.193.269	4.881.369.029
315	5. Phải trả người lao động		2.454.139.322	4.575.787.033
316	6. Chi phí phải trả	15	498.359.501	1.038.238.659
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	10.106.970.628	4.682.520.204
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>16.064.692</b>	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		16.064.692	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>231.144.708.333</b>	<b>223.376.232.023</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>230.703.908.053</b>	<b>223.312.604.356</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		107.431.920.000	97.704.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		79.266.897.909	79.266.897.909
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.089.741.544)	(800.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.966.476.132	1.966.476.132
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.346.611.778	1.346.611.778
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.781.743.778	43.028.628.537
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>440.800.280</b>	<b>63.627.667</b>
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		440.800.280	63.627.667
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>389.678.570.078</b>	<b>379.659.485.702</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.019.779,50	515.292

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Lan

Lê Thúy Đào

Trần Ngọc Châu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.480.611.647.333	1.531.241.915.850
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	50.642.343	2.233.290.620
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.480.561.004.990	1.529.008.625.230
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.423.935.328.027	1.468.136.415.455
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.625.676.963	60.872.209.775
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	43.951.942.191	32.048.462.838
22	7. Chi phí tài chính	23	39.006.206.288	12.091.919.715
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.699.591.631	7.425.931.510
24	8. Chi phí bán hàng		30.095.885.021	26.312.001.243
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.885.276.488	15.478.488.063
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.590.251.357	39.038.263.592
31	11. Thu nhập khác		1.358.670.485	2.721.472.170
32	12. Chi phí khác		236.282.637	246.873.373
40	13. Lợi nhuận khác		1.122.387.848	2.474.598.797
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.712.639.205	41.512.862.389
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	5.677.836.029	6.363.326.742
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.034.803.176	35.149.535.647

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Lan

Lê Thúy Đào

Trần Ngọc Châu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác		1.528.883.546.614	1.560.710.242.287
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.488.767.478.459)	(1.619.859.406.656)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.179.219.058)	(6.717.291.881)
4	4. Tiền chi trả lãi vay		(23.967.709.506)	(6.919.067.208)
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.170.621.806)	(2.163.453.512)
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		44.307.758.303	141.483.470.908
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(126.151.990.653)	(138.980.228.274)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(82.045.714.565)</b>	<b>(72.445.734.336)</b>
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(7.160.198.906)	(549.084.182)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		61.625.313.607	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		(36.320.513.360)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(125.717.820.787)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		560.112.000	140.870.756.693
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.805.175.640	1.138.323.792
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>24.509.888.981</b>	<b>15.742.175.516</b>
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.692.700.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(2.088.941.544)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		887.724.780.065	488.682.165.661
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(818.072.485.698)	(449.168.789.634)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.770.664.120)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>62.792.688.703</b>	<b>41.206.076.027</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
**Năm 2008**  
*(tiếp theo)*

*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>5.256.863.119</b>	<b>(15.497.482.793)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>17.377.084.318</b>	<b>32.901.456.292</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>(485.126.378)</b>	<b>(26.889.181)</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>22.148.821.059</b>	<b>17.377.084.318</b>

*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2009*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Trần Thị Lan**

**Lê Thúy Đào**

**Trần Ngọc Châu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Năm 2008*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0838/2004/QĐ-BTM ngày 23 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Petrolimex thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex và các giấy đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy đăng ký kinh doanh (DKKD) số 4103002720 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2004;
- Giấy DKKD sửa đổi lần thứ nhất ngày 22/12/2005;
- Giấy DKKD sửa đổi lần thứ hai ngày 28/04/2006;
- Giấy DKKD sửa đổi lần thứ ba ngày 13/06/2007;
- Giấy DKKD sửa đổi lần thứ tư ngày 13/08/2007;
- Giấy DKKD sửa đổi lần thứ năm ngày 17/12/2007; và
- Giấy DKKD sửa đổi lần thứ sáu ngày 26/7/2008.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 54 - 56 Bùi Hữu Nghĩa – Quận 5 – TP Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

<b>Tên đơn vị thành viên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Bình Dương  (Chuyển thành Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương theo quyết định số 24/HĐQT-XNK-QĐ ngày 29/3/2008 của Công ty	Ấp 3, Xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên	Ấp 3, Xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Chế biến Nông sản (được sáp nhập vào Chi nhánh Bình Dương kể từ ngày 10/3/2008 theo Quyết định số 132/HĐQT-QĐ ngày 25/2/2008)	54 - 56 Bùi Hữu Nghĩa, Q.5, Tp. HCM
<b>Công ty Con (sở hữu 100%)</b>	
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Số 1 Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	Ấp 1, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh thương mại, dịch vụ và gia công chế biến nông sản.

**Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:**

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng (hàng công nghệ phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công chế biến tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;

- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán các sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, thẻ vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
- Phương tiện vận tải	05 – 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	
- Phần mềm quản lý	05 năm

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí mua hàng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 TIỀN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	61.482.167	340.319.659
Tiền gửi ngân hàng	22.087.338.892	17.036.764.659
<b>Cộng</b>	<b>22.148.821.059</b>	<b>17.377.084.318</b>

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	11.381.665.783	6.714.647.320
Đầu tư ngắn hạn khác	11.351.318.104	29.780.146.320
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.368.155.522)	(624.454.883)
<b>Cộng</b>	<b>17.364.828.365</b>	<b>35.870.338.757</b>

**5 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu về lãi chậm trả theo hợp đồng	9.228.127.170	3.146.498.793
Phải thu người lao động	2.922.420.530	4.430.650.480
Phải thu khác	5.652.429.438	2.548.446.885
<b>Cộng</b>	<b>17.802.977.138</b>	<b>10.125.596.158</b>

6	<b>HÀNG TỒN KHO</b>	31/12/2008	01/01/2008
		VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	-	46.643.100
	Hàng hoá	172.008.590.632	166.819.855.629
	Hàng gửi đi bán	5.834.007.250	1.440.000.000
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(9.943.363.744)	-
	<b>Cộng</b>	<b>167.899.234.138</b>	<b>168.306.498.729</b>

  

7	<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>	31/12/2008	01/01/2008
		VND	VND
	Thuế xuất, nhập khẩu	-	105.434.389
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.728.864	-
	<b>Cộng</b>	<b>53.728.864</b>	<b>105.434.389</b>

**8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	5.884.917.948	1.181.431.591	2.084.178.504	1.162.863.979	10.313.392.022
Số tăng trong năm	6.167.725.819	291.800.000	-	240.928.450	6.700.454.269
- Mua trong năm	6.167.131.819	291.800.000	-	240.928.450	6.699.860.269
- Đầu tư XDCB hoàn thành	594.000	-	-	-	594.000
Số giảm trong năm	1.059.081.819	120.899.103	176.000.000	158.464.575	1.514.445.497
- Giảm khác	1.059.081.819	120.899.103	176.000.000	158.464.575	1.514.445.497
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.993.561.948</b>	<b>1.352.332.488</b>	<b>1.908.178.504</b>	<b>1.245.327.854</b>	<b>15.499.400.794</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	1.091.312.580	284.605.842	1.439.838.793	726.677.731	3.542.434.946
Số tăng trong năm	805.810.929	228.093.431	133.710.546	268.629.239	1.436.244.145
- Khấu hao trong năm	805.810.929	228.093.431	133.710.546	244.089.014	1.411.703.920
- Tăng khác	-	-	-	24.540.225	24.540.225
Số giảm trong năm	65.285.866	100.721.648	168.995.243	37.470.797	372.473.554
- Giảm khác	65.285.866	100.721.648	168.995.243	37.470.797	372.473.554
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.831.837.643</b>	<b>411.977.625</b>	<b>1.404.554.096</b>	<b>957.836.173</b>	<b>4.606.205.537</b>
<i>Giá trị còn lại</i>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>4.793.605.368</b>	<b>896.825.749</b>	<b>644.339.711</b>	<b>436.186.248</b>	<b>6.770.957.076</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>9.161.724.305</b>	<b>940.354.863</b>	<b>503.624.408</b>	<b>287.491.681</b>	<b>10.893.195.257</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.174.524.309 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.680.292.189 VND.

**9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.205.192.140	55.000.000	1.260.192.140
Số tăng trong năm	-	56.017.500	56.017.500
- Mua trong năm	-	56.017.500	56.017.500
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.205.192.140</b>	<b>111.017.500</b>	<b>1.316.209.640</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	34.833.335	34.833.335
Số tăng trong năm	-	15.706.494	15.706.494
- Khấu hao trong năm	-	15.706.494	15.706.494
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>50.539.829</b>	<b>50.539.829</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.205.192.140</b>	<b>20.166.665</b>	<b>1.225.358.805</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.205.192.140</b>	<b>60.477.671</b>	<b>1.265.669.811</b>

**10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công trình nhà máy sơn Petrolimex	6.476.735.370	4.517.471.018
Dự án đầu tư Nhà máy Hóa dầu Petrolimex	38.095.238	
<b>Cộng</b>	<b>6.514.830.608</b>	<b>4.517.471.018</b>

**11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	30.000.000.000	14.935.951.173
- Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	14.935.951.173
- Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Bình Dương	15.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	3.747.951.958	800.160.000
<b>Cộng</b>	<b>33.747.951.958</b>	<b>15.736.111.173</b>

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Hà Nội là khoản đầu tư sở hữu 100%. Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ tài sản hiện có từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex tại Hà Nội, chấm dứt hoạt động theo QĐ số 670/HĐQT ngày 31/10/2007 của Công ty.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Petrolimex Bình Dương là khoản đầu tư sở hữu 100%. Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4604000319 ngày 02 tháng 04 năm 2008 trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ tài sản hiện có từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex tại Bình Dương, chuyển đổi theo quyết định số 24/HĐQT-XNK-QĐ ngày 29/3/2008 của Công ty.

**Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.507.903.958	-
Đầu tư vào Công ty Khoáng sản Hà Giang	240.048.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	800.160.000
<b>Cộng</b>	<b>3.747.951.958</b>	<b>800.160.000</b>

*Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai 3.507.903.958 VND với mục đích hợp tác kinh doanh, học hỏi kinh nghiệm. Tính đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đang nắm giữ 140.836 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 10,43% trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai.*

**12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	52.746.720	135.902.326
Chi phí mua hàng	4.525.741.631	3.254.427.334
<b>Cộng</b>	<b>4.578.488.351</b>	<b>3.390.329.660</b>

**13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	121.276.209.641	106.109.147.704
<b>Cộng</b>	<b>121.276.209.641</b>	<b>106.109.147.704</b>

*Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn*

**Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

Số HĐ vay	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc		Phải trả trong năm 2009	Phương thức đảm bảo
					Ngoại tệ USD	Quy đổi VND	VND	
11/2008/PG-HĐNH	NH TMCP Xăng Dầu Petrolimex	16,5%	3 tháng	8.900.000.000		8.900.000.000	8.900.000.000	Tin chấp
27196409	NH TMCP Á Châu	9,2%	6 tháng	4.792.172.489	282.274	4.792.172.489	4.792.172.489	Tin chấp
08.0108/HĐTDH M	NH Công Thương Việt Nam	Theo từng GNN	Theo từng GNN	20.215.848.971	1.190.779	20.215.848.971	20.215.848.971	Tin chấp
08.0108/HĐTDH M	NH Công Thương Việt Nam	Theo từng GNN	Theo từng GNN	28.583.625.425		28.583.625.425	28.583.625.425	
0137/KH/08/NH	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Theo từng GNN	Theo từng GNN	4.855.554.421	286.008	4.855.554.421	4.855.554.421	(1)
0137/KH/08/NH	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Theo từng GNN	Theo từng GNN	53.929.008.335		53.929.008.335	53.929.008.335	
<b>Tổng cộng</b>				<b>121.276.209.641</b>		<b>121.276.209.641</b>	<b>121.276.209.641</b>	

(1) Phương thức bảo đảm khoản vay bằng:

- Quyền sử dụng đất tại Xã Hội Nghĩa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, nguyên giá 1.205.192.140 VND
- Nhà máy SX tiêu sạch tại xã Hội Nghĩa, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, nguyên giá 9.155.712.348 VND

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	299.783.577	-
Thuế xuất, nhập khẩu	5.101.947.511	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	651.595.513	4.199.873.229
Thuế thu nhập cá nhân	658.223.723	190.532.164
Các loại thuế khác	270.642.945	490.963.636
<b>Cộng</b>	<b>6.982.193.269</b>	<b>4.881.369.029</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của Công ty là 28%.

Công ty chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản do có nhiều ý kiến khác nhau từ phía các cơ quan chức năng nên Công ty chưa có cơ sở để khấu trừ các khoản thuế này.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí trả trước khác	498.359.501	1.038.238.659
<b>Cộng</b>	<b>498.359.501</b>	<b>1.038.238.659</b>

**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	36.186.160
Kinh phí công đoàn	115.276.750	10.000.000
Bảo hiểm xã hội	40.442.418	47.834.291
Bảo hiểm y tế	-	777.580
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	9.951.251.460	4.587.722.173
- <i>Vay hộ cho CBCNV phải trả Ngân hàng ACB - Tân Bình</i>	<i>2.810.000.000</i>	
- <i>Tiền mượn của Công ty con</i>	<i>6.500.000.000</i>	
- <i>Khác</i>	<i>641.251.460</i>	
<b>Cộng</b>	<b>10.106.970.628</b>	<b>4.682.520.204</b>

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>2.613.225.000</b>	<b>(800.000.000)</b>	<b>813.902.486</b>	<b>600.000.000</b>	<b>21.017.389.497</b>	<b>84.244.516.983</b>
- Tăng vốn trong kỳ trước	8.882.000.000	-	-	-	-	-	8.882.000.000
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	35.149.535.647	35.149.535.647
- Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	1.152.573.646	800.000.000	-	1.952.573.646
- Tăng khác	28.822.790.000	76.653.672.909	799.200.000	-	-	-	106.275.662.909
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	11.334.573.646	11.334.573.646
- Giảm khác	-	-	-	-	53.388.222	1.803.722.961	1.857.111.183
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>97.704.790.000</b>	<b>79.266.897.909</b>	<b>(800.000)</b>	<b>1.966.476.132</b>	<b>1.346.611.778</b>	<b>43.028.628.537</b>	<b>223.312.604.356</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	9.727.130.000	-	-	-	-	-	9.727.130.000
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	16.034.803.176	16.034.803.176
- Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	6.000.000.000	2.000.000.000	-	8.000.000.000
- Tăng khác	-	-	(2.088.941.544)	-	-	-	(2.088.941.544)
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm do phân phối quỹ, chia cổ tức	-	-	-	-	-	24.091.144.400	24.091.144.400
- Giảm khác	-	-	-	-	-	190.543.535	190.543.535
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>107.431.920.000</b>	<b>79.266.897.909</b>	<b>(2.089.741.544)</b>	<b>7.966.476.132</b>	<b>3.346.611.778</b>	<b>34.781.743.778</b>	<b>230.703.908.053</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2008	%	01/01/2008	%
Vốn góp của Nhà nước	55.539.000.000	51,70	50.490.000.000	51,68
Vốn góp của các đối tượng khác	51.892.920.000	48,30	47.214.790.000	48,32
<b>Cộng</b>	<b>107.431.920.000</b>	<b>100%</b>	<b>97.704.790.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	97.704.790.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	9.727.130.000	37.704.790.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	107.431.920.000	97.704.790.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2006</i>		8.882.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2007</i>	9.727.130.000	

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/2008/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 03 năm 2008, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2007 là 15% (trong đó 10% chia bằng cổ phiếu, 5% chia bằng tiền mặt).

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.743.192	9.770.479
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.743.192	9.770.479
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	87.600	80
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.600	80
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.655.592	9.770.399
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.655.592	9.770.399
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**e) Các quỹ của công ty**

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.966.476.132	1.966.476.132
- Quỹ dự phòng tài chính	3.346.611.778	1.346.611.778
<b>Cộng</b>	<b>11.313.087.910</b>	<b>3.313.087.910</b>

18	<b>TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.480.241.488.311	1.531.241.915.850
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	370.159.022	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.480.611.647.333</b>	<b>1.531.241.915.850</b>
19	<b>CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.642.343	-
	Thuế xuất khẩu	-	2.233.290.620
	<b>Cộng</b>	<b>50.642.343</b>	<b>2.233.290.620</b>
20	<b>DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
	Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	1.480.190.845.968	1.529.008.625.230
	Doanh thu thuần dịch vụ	370.159.022	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.480.561.004.990</b>	<b>1.529.008.625.230</b>
21	<b>GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
	Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.413.935.980.983	1.465.086.415.455
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.983.300	-
	Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	3.050.000.000
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.943.363.744	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.423.935.328.027</b>	<b>1.468.136.415.455</b>
22	<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	552.418.807	608.984.177
	Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng khoán	13.445.580.680	22.559.213.731
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.682.020.120	357.507.100
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.683.079.489	1.203.686.212
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	73.123.915
	Lãi bán hàng trả chậm	9.664.219.403	4.049.067.703
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.924.623.692	3.196.880.000
	<b>Cộng</b>	<b>43.951.942.191</b>	<b>32.048.462.838</b>

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.699.591.631	7.425.931.510
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	(27.336.105)	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.528.007.819	3.122.852.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.049.481.555	1.200.897.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	112.808.574	261.207.263
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.743.700.639	-
Chi phí tài chính khác	899.952.175	81.030.990
<b>Cộng</b>	<b>39.006.206.288</b>	<b>12.091.919.715</b>

**24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.677.836.029	6.363.326.742
<b>Cộng</b>	<b>5.677.836.029</b>	<b>6.363.326.742</b>

**THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

	Năm 2008
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.712.639.205
Trong đó:	
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	18.972.012.753
- Lợi nhuận từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.740.626.452
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(1.403.179.898)
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>278.431.973</b>
Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm	112.808.574
Thù lao thành viên hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động công ty	82.872.000
Tiền phạt (*)	82.751.399
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>1.681.611.871</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.681.611.871
Tổng thu nhập chịu thuế	20.309.459.307
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	17.568.832.855
- Thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.740.626.452
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.677.836.029
- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD (**)	4.910.460.622
- Thuế TNDN từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	767.375.407
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>16.034.803.176</b>

(\*) Trong đó bao gồm khoản tiền bị phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Công ty chậm thông báo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sơn Đông Nai, số tiền phạt là 10.000.000 VND.

(\*\*) Thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh (trong đó không bao gồm 14% thuế TNDN của chi nhánh Bình Dương do Văn phòng nộp thẳng thuế thay cho chi nhánh là 8.812.577 VND).

**25 THÔNG TIN VỀ CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**

Hợp đồng tương lai của Công ty là những hợp đồng bán cà phê của Công ty nhưng chưa chốt được giá mua và bán trong năm 2008. Do vậy, Công ty đang tạm ghi nhận doanh thu bằng giá vốn của các hợp đồng này dựa trên số tiền thực thu được trong năm. Doanh thu của các hợp đồng chưa chốt giá trong năm đã ghi nhận là 13.949.094.036 VND. Ảnh hưởng của các hợp đồng này tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ được xác định khi các hợp đồng này được chốt giá.

*Chi tiết các hợp đồng tương lai tính tới thời điểm 31/12/2008 như sau:*

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Mặt hàng	Tháng xuất	Số lượng (MT)	Giá bán USD	Stop loss
1	11-22/08/RC	Rothfos	Cà phê R2-5	11/2008	172,8	1615	
2	33610	Mercon	Cà phê R1-16	11/2008	198	1654	
3	33611	Mercon	Cà phê R1-16	11/2008	198	1656,5	
4	33616	Mercon	Cà phê R1-16	12/2008	198	1637,63	
5	33618	Mercon	Cà phê R1-16	12/2008	198	1650	
6	CSP06366	Armajaro	Cà phê R2-5	12/2008	115,016	983,9	1066,6
7	CR32950	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	18,6	1087,8	1265,5
8	CR32950	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	48	1101,8	1280,5
9	CR32950	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	38,4	1071,7	1248,25
10	CR32950	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	21	1071,7	1248,25
11	P4243	Louis	Cà phê R1-16	12/2008	116,718	1731	
12	CR32949	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	126	1101,8	1280,5
13	P4242	Louis	Cà phê R1-16	12/2008	116,651	1715	
14	CSP06214	Armajaro	Cà phê R1-16	12/2008	125,43	1027,8	1109,35
15	CR32951	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	42	1101,8	1280,5
16	CR32951	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	84	1033,9	1207,75
17	CSP06215	Armajaro	Cà phê R1-16	12/2008	125,916	983,7	1062,1
18	CR32952	Noble	Cà phê R1-16	12/2008	40,2534	1073,8	1255,5

**26 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**27 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2008
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Bình Dương	Bán hàng	1.494.954.000
<b>Các bên liên quan</b>		
<b>Mua hàng hóa</b>		
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	6.391.678.822
Công ty Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành viên Petrolimex	28.064.922.059
Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Bình Dương	Công ty con	35.580.046.018
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Thành viên Petrolimex	132.164.378.297

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>Phải thu</b>		
Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Bình Dương	Công ty con	2.048.620.805

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>Phải trả</b>		
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên Petrolimex	405.756.000
Công ty TNHH MTV XNK Petrolimex Hà Nội	Công ty con	7.015.957.160

## 28 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2009*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Trần Thị Lan**

**Lê Thúy Đào**

**Trần Ngọc Châu**